

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C R
THÀNH PHỐ C T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HS-ST

Ngày: 16/05/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Gấm**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Thanh Trí**.

Bà **Lê Thị Tuyết Mai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhàn** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2024/HSST, ngày 26 tháng 04 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 26/04/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn M T, sinh ngày 01/11/1978, tại H G;

Nơi thường trú: số 466A/14, khu vực 7, phường A B, quận N K, thành phố C T. Nơi tạm trú: Số 40, tổ 45, khu vực 7, phường H P, quận C R, thành phố C T. Chỗ ở hiện nay: ấp Nhon Thuận 1 A, xã N N A, huyện C T A, tỉnh H G; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn V T, sinh năm 1957 và con bà Trần T M, sinh năm 1958; Vợ: Đặng T N D, sinh năm 1988 và con: Có 02 người con tên Nguyễn M Đ, sinh năm 2013 và Nguyễn N M T, sinh năm 2016; Tiền án: 03 tiền án. Ngày 02/3/1999, bị Tòa án nhân dân thành phố C T tuyên phạt 09 tháng tù giam về tội Cướp giật tài sản, bị cáo chưa đóng án phí, chưa được xóa án tích. Ngày 26/4/2001, bị Tòa án nhân dân thành phố C T, tỉnh C T tuyên phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chưa đóng án phí, chưa được xóa án tích. Ngày 20/6/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh H G xét xử phúc thẩm tuyên phạt 04 năm 06 tháng tù giam về tội Cướp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt từ ngày 29/02/2022; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/06/2023, bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận C R, thành phố C T.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1. Bà **Nguyễn N N**, sinh năm 1987. (Có mặt)
Địa chỉ: Số 209A khu vực Phú Thuận, phường T P, quận C R, thành phố C T.
2. Bà **Nguyễn T T L**, sinh năm 1962. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 36/3A Trần Việt Châu, phường A H, quận N K, thành phố C T.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
 1. Bà **Đặng T N D**, sinh năm 1988. (Có mặt)
Địa chỉ: Số 466A/14 khu vực 7, phường A B, quận N K, thành phố C T.
 2. Ông **Nguyễn V H**, sinh năm 1969. (Có mặt)
Địa chỉ: Số 44A, tổ 51, khu vực 8, phường H P, quận C R, thành phố C T.
 3. Bà **Trương T H**, sinh năm 1967. (Có mặt)
Địa chỉ: Số 209 khu vực Phú Thuận, phường T P, quận C R, thành phố C T.
 4. Ông **Lê T C**, sinh năm 1978. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 9D khu vực Phú Tân, phường T P, quận C R, thành phố C T.
 5. Ông **Nguyễn V Đ**, sinh năm 1993. (Có mặt)
Địa chỉ: ấp An Thạnh, xã T P, huyện C Đ, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi xài cá nhân nên ngày 14 tháng 5 năm 2023 và ngày 30 tháng 5 năm 2023, bị cáo Nguyễn M T thực hiện hai vụ Cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ, ngày 14 tháng 5 năm 2023, bị cáo Nguyễn M T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 38H1-8323 từ ấp Nhơn Thuận 1A, xã N NA, huyện C T A, tỉnh H G đến quận C R, thành phố C T. Đến khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày, khi đến lò mổ gia cầm Ngọc Xuân thuộc khu vực Thanh Hưng, phường T T, quận C R, thành phố C T thì nhìn thấy bà Nguyễn T T L đang ngồi trước cửa lò mổ, bà L có đeo sợi dây chuyền màu vàng trên cổ nên bị cáo T nảy sinh ý định cướp giật dây chuyền.

Lúc này, bị cáo điều khiển xe đến gần bà L, giả vờ hỏi xin việc làm và bất ngờ dùng tay phải giật sợi dây chuyền có mặt dây hình chiếc chuông của bà L rồi tăng ga xe tẩu thoát. Sau khi cướp giật tài sản, bị cáo T bán sợi dây chuyền cho tiệm vàng (không rõ tên và địa chỉ) trên đường Trần Việt Châu, phường A H, quận N K, thành phố C T với số tiền 9.300.000 đồng (Chín triệu, ba trăm nghìn đồng) và chi xài cá nhân hết số tiền trên. Đến nay, không xác minh được và không thu hồi được tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 110/TCKH-HĐĐG ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận C R, thành phố C T kết luận: 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 03 (Ba) chỉ, có gắn mặt dây chuyền hình chuông bằng vàng 18K trọng lượng 02 (Hai) chỉ. Tổng trọng lượng 05 (Năm) chỉ vàng 18K trị giá 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 07 giờ 10 phút, ngày 30 tháng 5 năm 2023, bị cáo Nguyễn M T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, đen biển số 38H1 - 8323 đến đoạn đường Nguyễn Văn Quy thuộc khu vực Phú Lợi, phường T P, quận C R, thành phố C T thì nhìn thấy bà Nguyễn N N đang ngồi trên xe mô tô để chờ bà Trương T H mua trái cây ven đường, bà N có đeo sợi dây chuyền màu vàng nên bị cáo T nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Bị cáo T điều khiển xe mô tô giả vờ mua trái cây, đến gần bà N và dùng tay phải giật sợi dây chuyền bà N đang đeo trên cổ rồi tăng ga xe tẩu thoát. Sau đó, bị cáo T đưa sợi dây chuyền cho Đặng T N D (vợ của bị cáo T) mang đi bán tại dịch vụ cầm đồ N H với số tiền 3.800.000 đồng (Ba triệu, tám trăm nghìn đồng) và chi xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 109/TCKH-HĐĐG ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận C R, thành phố C T kết luận: 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 15K, trọng lượng 02 (Hai) chỉ, trị giá 5.241.380 đồng (Năm triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn M T cướp giật của bà Nguyễn T T L và bà Nguyễn N N là 20.741.380 đồng (Hai mươi triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C R, thành phố C T thu giữ của bị cáo Nguyễn M T: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, màu đỏ đen, biển số 38H1 - 8323, số khung: CS5C6409Y168831, số máy: 5C64-168 (sau khi giám định kết luận số khung: RLCS5C640AY367953, số máy 5C64-168840) đã qua sử dụng; 01 (Một) nón bảo hiểm màu nâu, có kính chắn, trên thân nón có chữ GRS đã qua sử dụng; 01 (Một) quần Jean dài nam màu xanh có chữ Boss đã qua sử dụng; 01 (Một) áo thun màu xanh dương có chữ SP ở trước ngực, tay áo có sọc màu trắng đã qua sử dụng; 01 (Một) đôi dép kẹp có chữ Bitis đã qua sử dụng; 01 (Một) nón bảo hiểm màu đen, phía trước và phía sau có logo của Yamaha đã qua sử dụng.

Đối với xe mô tô biển số 38H1- 8323, bị cáo T khai nhận cầm cố của Tùng (không rõ họ tên, địa chỉ). Qua xác minh xe xác định thuộc sở hữu của ông Nguyễn V K (địa chỉ xã G P, huyện H K, tỉnh H T). Tuy nhiên, tra cứu

thông tin đối với số khung của xe thì xác định trùng với số khung của xe Yamaha Sirius biển số 65D1-012.07 do ông Nguyễn V H (địa chỉ số 47/4A, khu vực 2, phường T N, quận B T, thành phố C T) đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C R, thành phố C T đã ra thông báo tìm chủ sở hữu đối với xe mô tô biển số 38H1- 8323 để làm cơ sở xử.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Nguyễn M T đã thỏa thuận bồi thường cho bà Nguyễn T T L số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) bằng hình thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và bà L không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đồng thời, thỏa thuận bồi thường cho bà Nguyễn N N số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bằng hình thức mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và bà N không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với bà Đặng T N D, ông Nguyễn V H do không biết sợi dây chuyền trên là do bị cáo Nguyễn M T phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự.

Ngoài hai lần phạm tội trên, vào năm 1999, 2001 và năm 2018, Nguyễn M T ba lần bị kết án về các tội Cướp giật tài sản, Trộm cắp tài sản và đến nay chưa được xóa án tích.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT-VKSCR, ngày 24 tháng 04 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận C R truy tố bị cáo Nguyễn M T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d, i Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng, không bổ sung gì thêm, đồng thời phân tích tính chất, mức độ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị như sau:

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn M T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d, i Khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn M T từ 05 (Năm) năm tù đến 06 (Sáu) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (Một) nón bảo hiểm màu nâu, có kính chắn, trên thân nón có chữ GRS đã qua sử dụng; 01 (Một) quần Jean dài nam màu xanh có chữ Boss đã qua sử dụng; 01 (Một) áo thun màu xanh dương có chữ SP ở trước ngực, tay áo có sọc màu trắng đã qua sử dụng; 01 (Một) đôi dép kẹp có

chữ Bitis đã qua sử dụng; 01 (Một) nón bảo hiểm màu đen, phía trước và phía sau có logo của Yamaha đã sử dụng;

Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, màu đỏ đen, biển số 38H1- 8323; số khung: CS5C6409Y168831; số máy: 5C64-168 (sau khi giám định kết luận số khung: RLCS5C640AY367953, số máy 5C64-168840) đã qua sử dụng thì đề nghị tiếp tục đăng thông báo tìm chủ sở hữu, trong thời hạn một năm mà không tìm được chủ sở hữu thì đề nghị tịch thu sung công.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà Nguyễn N N số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên đề nghị không xem xét bồi thường thêm. Đối với bà Nguyễn T T L, gia đình bị cáo thỏa thuận bồi thường 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), đã bồi thường được số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), số tiền còn lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng thì bị cáo tiếp tục bồi thường)

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện sớm trở về sinh hoạt và hòa nhập với cộng đồng.

Phần trình bày của bị hại - bà Nguyễn N N: Trong quá trình điều tra thì bà và đại diện gia đình bị cáo là bà Đặng T N D đã thỏa thuận thống nhất số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bà là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), cho đến phiên tòa ngày hôm nay thì bản thân bản đã nhận đủ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án - bà Đặng T N D trình bày: Bà là vợ của bị cáo T, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bà không biết. Trong quá trình điều tra thì bà đã thỏa thuận thống nhất bồi thường cho các bị hại gồm bà Nguyễn N N số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và bà Nguyễn T T L số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Cho đến phiên tòa thì bà đã bồi thường cho các bị hại mỗi người là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Số tiền bà bỏ ra bồi thường thay cho bị hại thì bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án - bà Trương T H trình bày: Việc bị cáo T cướp giật tài sản là của con dâu bà – Nguyễn N N, bà không có thiệt hại về tài sản nên không yêu cầu gì đối với bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án – ông Nguyễn V H trình bày: Ông là chủ cửa hàng dịch vụ cầm đồ N H, việc ông mua sợi dây chuyền từ bà Đặng T N D bán là do bà D nói là lượm được, chứ không biết là do bị cáo T cướp giật mà có, thời điểm mua sợi dây chuyền có giá 3.800.000 đồng

(Ba triệu, tám trăm nghìn đồng), sau đó ông đã nung và bán lại, ông cũng không có thiệt hại về tài sản nên không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án – ông Nguyễn V Đ trình bày: Đối với chiếc xe mô tô mà bị cáo sử dụng đi cướp giật tài sản là trước đây ông đã bán cho ông K, còn sau đó ông K sử dụng hay có chuyển nhượng cho ai thì ông không biết, đối với xe thì ông không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và trình tự, thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra và truy tố đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án - ông Lê T C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đối với bị hại bà Nguyễn T T L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nhận thấy, trong quá trình điều tra đã có ý kiến, việc vắng mặt của các đương sự nói trên không gây trở ngại cho việc xét xử do đó Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn M T thừa nhận trong các ngày 14 và ngày 30/05/2023 trên địa bàn quận C R, thành phố C T, bị cáo đã sử dụng phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 38H1 - 8323 thực hiện 02 (Hai) vụ cướp giật tài sản của các bị hại gồm bà Nguyễn N N và bà Nguyễn T T L.

Tại Kết luận định giá tài sản số 110/TCKH-HĐĐG ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận C R, thành phố C T kết luận: 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 03 (Ba) chỉ, có gắn mặt dây chuyền hình chuông bằng vàng 18K trọng lượng 02 (Hai) chỉ. Tổng trọng lượng 05 (Năm) chỉ vàng 18K trị giá 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng). Tại Kết luận định giá tài sản số 109/TCKH-HĐĐG ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận C R, thành phố C T kết luận: 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 15K, trọng lượng 02 (Hai) chỉ, trị giá 5.241.380 đồng (Năm triệu, hai trăm bốn

mười một nghìn, ba trăm tám mươi đồng). Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn M T cướp giật của bà Nguyễn T T L và bà Nguyễn N N là 20.741.380 đồng (Hai mươi triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn ba trăm tám mươi đồng).

Lời thừa nhận của bị cáo về việc sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, chiếm đoạt tài sản của các bị hại là để bán lấy tiền nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản định giá và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra lại tại phiên tòa nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, áp sát vào các bị hại để cướp giật tài sản thì thuộc tình tiết định khung hình phạt là dùng thủ đoạn nguy hiểm. Mặc khác, bị cáo đã có ba tiền án mà trước đó đã xác định là tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, lần phạm tội này của bị cáo xem là tái phạm nguy hiểm nên phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điều khoản luật đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo đã thành niên, có khả năng lao động nhưng lại lười biếng, tham lam, chỉ muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân. Bị cáo biết hành vi thực hiện của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý vi phạm, bất chấp pháp luật cho thấy ý thức chủ quan của tội phạm là cố ý thực hiện.

[3] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên, ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần vi phạm pháp luật, sau khi chấp hành án xong lại không sửa đổi mà lại tiếp tục phạm tội. Về tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền sự, bị cáo cùng gia đình đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho các bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Trên cơ sở xem xét toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo

ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích cho xã hội sau này. Đồng thời, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với các loại tài sản thu giữ khi bắt giữ bị cáo, bao gồm:

01 (Một) nón bảo hiểm màu nâu, có kính chắn, trên thân nón có chữ GRS đã qua sử dụng; 01 (Một) quần Jean dài nam màu xanh có chữ Boss đã qua sử dụng; 01 (Một) áo thun màu xanh dương có chữ SP ở trước ngực, tay áo có sọc màu trắng đã qua sử dụng; 01 (Một) đôi dép kẹp có chữ Bitis đã qua sử dụng; 01 (Một) nón bảo hiểm màu đen, phía trước và phía sau có logo của Yamaha đã sử dụng thì tại phiên tòa bị cáo không đề nghị nhận lại và tài sản không có giá trị lớn nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, màu đỏ đen, biển số 38H1-8323; số khung: CS5C6409Y168831; số máy: 5C64-168 (sau khi giám định kết luận số khung: RLCS5C640AY367953, số máy 5C64-168840) đã qua sử dụng thì trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận là bị cáo nhận cầm cố của ông Tùng, không nhớ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có cung cấp được giấy tờ thể hiện việc cầm cố xe, cũng như mua xe hợp pháp nên không có căn cứ để trả lại xe cho bị cáo. Qua xác minh xe mô tô thuộc sở hữu của ông Nguyễn V K nhưng khi tra cứu thông tin phương tiện đối với số khung của xe thì xác định trùng với số khung của xe Yamaha Sirius biển số 65D1 – 012.07 do ông Nguyễn V H đứng tên chủ sở hữu, tuy nhiên trong quá trình điều tra đã không tiến hành lấy lời khai đối với ông K và ông H được để làm rõ nguồn gốc của chiếc xe. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục đăng thông báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 12 tháng, sau thời hạn này mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công theo Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo không có nghề nghiệp nên thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, các bị hại và gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho bà Nguyễn N N số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bà Nguyễn T T L số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và mỗi tháng trả số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Nhận thấy, việc thỏa thuận là sự tự nguyện của các bên đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tại phiên tòa, bà N cũng xác định bà D đã bồi thường xong số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét. Đối với bà L, thì phía vợ bị cáo – bà D có xuất trình biên nhận ghi nhận đã bồi thường cho bà L đến ngày

xét xử là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và số tiền còn lại thì bị cáo và gia đình vẫn đồng ý tiếp tục bồi thường cho bà L nên ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn M T** phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”.

Căn cứ vào:

Điểm d, i Khoản 2 Điều 171; Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn M T** 05 (Năm) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 01/06/2023.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) nón bảo hiểm màu nâu, có kính chắn, trên thân nón có chữ GRS đã qua sử dụng; 01 (Một) quần Jean dài nam màu xanh có chữ Boss đã qua sử dụng; 01 (Một) áo thun màu xanh dương có chữ SP ở trước ngực, tay áo có sọc màu trắng đã qua sử dụng; 01 (Một) đôi dép kẹp có chữ Bitis đã qua sử dụng; 01 (Một) nón bảo hiểm màu đen, phía trước và phía sau có logo của Yamaha đã sử dụng thu giữ từ bị cáo.

Đối với Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, màu đỏ đen, biển số 38H1- 8323; số khung: CS5C6409Y168831; số máy: 5C64-168 (sau khi giám định kết luận số khung: RLCS5C640AY367953, số máy 5C64-168840) đã qua sử dụng thì tiếp tục tạm giữ trong thời hạn một năm tính từ ngày thông báo công khai trên phương tiện báo đài để tìm chủ sở hữu tài sản nếu sau thời hạn này mà không xác định được ai là chủ sở hữu tài sản thì đề nghị tịch thu sung công theo Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường của gia đình bị cáo cho bị hại - bà Nguyễn N N với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và đã thực hiện xong, bà Nguyễn N N không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường của gia đình bị cáo cho bị hại - bà Nguyễn T T L với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) bằng hình thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và không yêu cầu gì thêm, tại thời điểm xét xử đã thanh toán được 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) có biên nhận. Trong trường hợp số tiền còn lại 10.000.000 đồng (Mười

triệu đồng), gia đình bị cáo không thực hiện bồi thường theo thỏa thuận cho bị hại bà Nguyễn T T L thì buộc bị cáo Nguyễn M T tiếp tục nghĩa vụ bồi thường cho bị hại bà Nguyễn T T L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ khi bà Nguyễn T T L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn M T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. C T;
- VKSND Q. C R;
- Chi Cục THA Q. C R;
- Cơ quan điều tra - Công an Q. C R;
- Nhà tạm giữ Công an quận C R;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GẮM